TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2019/KDTM-ST
Ngày : 14/11/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hương;
2. Bà Nguyễn Thị Quý.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-KDTM ngày 21/6/2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 602/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07/10/2019 và quyết định hoãn phiên toà số 363/2019/ QĐST-KDTM ngày 24/10/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S.

Địa chỉ: khu công nghiệp Mỹ Phước 3, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Hà Thanh Vũ; sinh năm 1992; ông Nguyễn Hoàng Đức Uy, sinh năm 1996; ông Bùi Phương Duy, sinh năm: 1985; ông Jeon Jung Hwan, sinh năm: 1980; ông Phạm Minh Hiếu, sinh năm: 1995; bà Lê Thị Hoài Thanh - Đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/10/2019)

(Ông Bùi Phương Duy, bà Lê Thị Hoài Thanh có đơn xin vắng mặt, những người đại diện theo ủy quyền khác có mặt tại phiên tòa)

2/ Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP.

Địa chỉ: số khu phố 1, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị Thu Hiền; sinh năm 1983 – Đại diện theo pháp luật.

Thường trú: số 159 Tam Bình, khu phố 1, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện tại: số 147B/7 Tam Bình, khu phố 1, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt công ty S) và trình bày của đại diện theo ủy quyền: nguyên đơn và bị đơn có ký 03 đơn đặt hàng, cụ thể đơn đặt hàng số 046 ký ngày 13/02/2018, đơn đặt hàng số 067 ký ngày 06/3/2018, đơn đặt hàng số 081 ký ngày 19/3/2018. Theo các đơn hàng này, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP (gọi tắt công ty TP) có nghĩa vụ cung cấp ống thép đúng số lượng tới công trình của bên nguyên đơn, địa điểm là nhà máy/kho/ như thỏa thuận của hai bên tại thời điểm thông báo giao hàng. Trong quá trình thực hiện việc ký kết đơn đặt hàng, nguyên đơn sẽ ký, đóng dấu đơn đặt hàng sau đó gửi bản scan cho công ty TP, sau đó công ty TP ký, đóng dấu và gửi bản scan có chữ ký và đóng dấu của cả hai bên.

Tổng giá trị của 03 đơn hàng đã đặt mua tạm tính là 15.811.070.000 đồng, đã bao gồm thuế VAT. Công ty TP có nghĩa vụ cung cấp hàng theo từng đơn đặt hàng, khối lượng tính trên kilogam. Vào thời điểm đặt hàng, công ty S đã đặt cọc tổng số tiền là 7.057.435.000 đồng cho đơn hàng số 046, 067, 081 nêu trên. Tuy nhiên công ty TP đã không thực hiện nghĩa vụ giao hàng như đã thỏa thuận: giao hàng không đúng số lượng. Để nhắc nhở việc giao hàng nguyên đơn đã có văn bản số 20180508-001/Staz/Cv ngày 08/5/2018 đề nghị công ty TP giao hàng. Ngày 09/5/2018 hai bên tiến hành thỏa thuận với nội dung, công ty TP cam kết giao đủ số lượng theo cam kết trên 03 đơn hàng 046, 067, 081. Đồng thời bị đơn cam kết chịu phạt 1%/ngày trên tổng số tiền của đơn hàng giao chậm tiến độ.

Ngày 17/5/2018 và ngày 28/5/2018 hai bên tiếp tục ký thỏa thuận, nội dung công ty TP cam kết giao đủ số lượng thép đã cam kết trong 03 đơn hàng nêu trên.

Tổng cộng nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn số tiền cọc 7.057.435.000 đồng để mua thép theo các đơn hàng 046, 067, 081.

Sau nhiều lần hứa hẹn giao hàng công ty TP vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ giao đủ số thép đã thỏa thuận. Đến ngày 15/6/2018 công ty TP và công ty S ký biên bản thỏa thuận với nội dung xác nhận bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ giao thép cho nguyên đơn với tổng sản lượng là 255 tấn thép, tương đương số tiền 3.694.197.813 đồng. Sau khi ký thỏa thuận bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn 2.000.000 đồng và một số ít thép cho nguyên đơn, vì vậy số lượng thép còn lại là 250 tấn tương đương số tiền 3.690.830.884. Tuy nhiên cho đến nay công ty TP đã không thực hiện nghĩa vụ giao thép như đã cam kết với nguyên đơn.

Vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TP trả số tiền nợ gốc là 3.690.830.884 đồng, tiền phạt cọc là 3.690.830.884 đồng, lãi suất do chậm trả tạm tính từ ngày 15/6/2018 đến ngày 22/10/2019 là 688.011.324 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 295.266.471 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu là 8.364.939.563 đồng.

Tuy nhiên đến ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận được văn bản trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một số nội dung khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 3.690.830.884 đồng và tiền lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tính theo mức lãi suất trung bình 8,7%x150% tính

trên số nợ gốc, bắt đầu tính lãi suất từ ngày cuối cùng bị đơn vi phạm thỏa thuận ngày 08/9/2018, tổng số tiền là 570.066.526 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có lời khai.

Tại phiên tòa,

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty S thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn công ty TP trả lại số tiền gốc đã đặt cọc mua hàng là 3.690.830.884 đồng và trả tiền lãi suất tạm tính từ ngày 09/9/2018 đến ngày xét xử vụ án, số tiền lãi suất là 568.746.927 đồng, tổng cộng là 4.259.577.811 đồng và tiếp tục trả tiền lãi suất cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn S và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP là tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa; vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2017.

[2] Quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, thể hiện là các đơn đặt hàng số 046 ký ngày 13/02/2018, đơn đặt hàng số 067 ký ngày 06/3/2018, đơn đặt hàng số 081 ký ngày 19/3/2018. Xét về nội dung, hình thức hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định pháp luật theo Điều 24, Điều 25 Luật Thương mại. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực thi hành và hai bên đã tiến hành thực hiện hợp đồng.

[3] Phía bị đơn Công ty TP không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét, đánh giá các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty S buộc bị đơn Công ty TP phải thanh toán cho Công ty S số tiền hàng đã đặt cọc là 3.690.830.884 đồng và lãi suất do chậm thanh toán là 568.746.927 đồng, tổng cộng là 4.259.577.811 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về tiền hàng: Căn cứ các đơn đặt hàng số 046 ký ngày 13/02/2018, đơn đặt hàng số 067 ký ngày 06/3/2018, đơn đặt hàng số 081 ký ngày 19/3/2018 được ký kết bởi Công ty S thể hiện nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn mua hàng là Thép Việt Nhật – Vinakyoei, công ty TP là đơn vị bán hàng cho Công ty S. Để làm tin cho việc đặt hàng công ty S đã gửi các đơn đặt hàng có nêu cụ thể số lượng hàng, chủng loại hàng cần đặt, thời gian giao hàng, nơi giao hàng và phương thức thanh toán trên mỗi đơn đặt hàng. Tổng giá trị 03 đơn đặt hàng là 15.811.070.000 đồng. Căn cứ các giấy báo nợ và chuyển tiền mà công ty Staz đã nộp, tổng số tiền nguyên đơn đã thanh toán đặt cọc cho công ty TP 7.057.435.000 đồng. Trong các nội dung chuyển tiền có ghi cụ thể thanh toán cho các đơn hàng 046, 067, 081.

Ba đơn hàng do nguyên đơn cung cấp không có bản xác nhận của bị đơn, đơn vị nhận đặt hàng, tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng bên công ty TP đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận vì vậy các bên có lập các biên bản ngày 09/5/2018, ngày 17/5/2018, ngày 28/5/2018 và ngày 15/6/2018, các biên bản thỏa thuận này có ký xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty TP và bản thỏa thuận cuối cùng ngày 15/6/2018 có ký tên và đóng dấu của công ty TP (có bản chính) xác định có 03 đơn hàng nêu trên và chốt số tiền công ty TP còn nợ Công ty S là 3.694.197.813 đồng tương đương 255 tấn thép. Như vậy có cơ sở xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh giao dịch mua bán hàng hóa theo đúng nội dung thỏa thuận tại đơn đặt hàng số 046 ký ngày 13/02/2018, đơn đặt hàng số 067 ký ngày 06/3/2018, đơn đặt hàng số 081 ký ngày 19/3/2018 và tính đến ngày 15/6/2018 công ty TP còn nợ 255 tấn tương ứng số tiền cọc là 3.694.197.813 đồng.

Nguyên đơn xác định công ty TP đã trả được một phần số nợ, hiện còn nợ lại số tiền là 3.690.830.884 đồng, mức yêu cầu của nguyên đơn thấp hơn số nợ hai bên chốt tại biên bản ngày 15/6/2018, bị đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã thanh toán cũng như không còn nợ số tiền 3.690.830.884 đồng, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc công ty TP phải trả số tiền còn nợ nêu trên theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn: về việc yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất 8,7% x150% là phù hợp với quy định pháp luật và thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 (mức lãi suất cho vay trung hạn của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức là 9,9%/năm, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thủ Đức trung bình 11%/năm và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Thủ Đức 11,1%/năm) nên có lợi cho bị đơn vì vậy mức lãi suất này được chấp nhận. Căn cứ biên bản thỏa thuận ngày 15/6/2018, hạn cuối cùng mà công ty TP phải thực hiện nghĩa vụ giao hàng là ngày 08/9/2018, hết thời hạn này mà công ty TP vẫn không thực hiện nghĩa vụ, do đó ngày phát sinh tính lãi suất là ngày 09/9/2018 là phù hợp quy định pháp luật và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy yêu cầu tính tiền lãi suất từ ngày 09/9/2018 đến ngày 14/11/2019 trên số nợ gốc là 3.690.830.884 đồng, số tiền lãi là 568.746.927 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Theo tình huống án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016: “hợp đồng mua bán hàng hóa bị vi phạm do bên bán không giao hoặc không giao đủ hàng cho bên mua, dẫn đến việc bên bán có nghĩa vụ hoàn trả số tiền ứng trước và tiền lãi do chậm thanh toán.”

Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty S, buộc bị đơn Công ty TP phải trả cho nguyên đơn tiền mua hàng còn nợ là 3.690.830.884 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là 568.746.927 đồng, tổng cộng là 4.259.577.811 đồng.

[5] Quá trình thụ lý vụ án, Toà án nhân dân quận Thủ Đức đã ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 67/2019/QĐ-BPBĐ ngày 29/7/2019 và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2019/QĐ-BPKCTT ngày 01/8/2019 về việc "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng". Hội đồng xét xử nhận định cần tiếp tục duy trình quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2019/QĐ-BPKCTT ngày 01/8/2019 để thi hành bản án này, tuy nhiên không cần thiết phải duy trì việc gửi tài sản đảm bảo, do đó số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng chẵn) đang thực hiện đảm bảo gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Chi Nhánh Thủ Đức được giải toả.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TP phải chịu là 112.259.578 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.;

- Căn cứ Điều 24, Điều 25, Điều 50, Điều 306, Điều 319 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Toà án năm 2015;

- Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S số tiền gốc còn nợ 3.690.830.884 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ là 568.746.927 đồng, tổng cộng là 4.259.577.811 đồng (bốn tỷ hai trăm năm mươi chín triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm mười một đồng)

Kể từ ngày 15/11/2019, nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP chưa trả tiền, thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 19/2019/QĐ-BPKCTT ngày 01/8/2019 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành bản án này.

Huỷ bỏ quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 67/2019/QĐ-BPBĐ ngày 29/7/2019 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền

800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) để thực hiện biện pháp bảo đảm đang gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Chi Nhánh Thủ Đức được giải toả.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP trả tiền phạt cọc số tiền là 3.690.830.884 đồng (ba tỷ sáu trăm chín mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn tám trăm tám mươi tư đồng) và tiền phạt vi phạm hợp đồng số tiền 295.266.471 đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng)

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư tư vấn xây dựng thương mại TP phải chịu 112.259.578 đồng (một trăm mười hai triệu hai trăm năm mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng)

- Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S tiền tạm ứng án phí đã nộp 58.063.023 đồng (năm mươi tám triệu không trăm sáu mươi ba nghìn không trăm hai mươi ba đồng) theo biên lai số 3242 ngày 21/06/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều7a; Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự của vụ án
- VKSND Q.TĐ
- Chi cục Thi hành án DS Q.TĐ
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Thị Thu Thảo